

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 55/2018/NQ-HĐND

Bình Thuận, ngày 30 tháng 3 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh

SỞ TƯ PHÁP TỈNH BÌNH THUẬN

ĐẾN Số: 1958
Ngày: 05.4.18
Chuyên:
Lưu hồ sơ số:

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN
KHÓA X, KỲ HỌP BẤT THƯỜNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin đất đai;

Xét Tờ trình số 600/TTr-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2018 của UBND tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Người nộp phí:

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng tài liệu về đất đai của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý hồ sơ, tài liệu về đất đai và bản đồ quy hoạch sử dụng đất, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ chuyên đề, bản đồ địa chính trên địa bàn tỉnh.

b) Tổ chức thu phí:

Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh; Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai đặt tại các huyện, thị xã và thành phố; Trung tâm Công nghệ thông tin - Sở Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động khai thác và sử dụng tài liệu đất đai.

3. Đối tượng miễn thu phí:

a) Hộ nghèo, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

b) Trường hợp cung cấp dữ liệu đất đai để phục vụ cho các mục đích quốc phòng và an ninh, phục vụ yêu cầu trực tiếp của lãnh đạo Đảng và Nhà nước hoặc trong tình trạng khẩn cấp, cơ quan cung cấp dữ liệu đất đai có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo chỉ đạo của Thủ trưởng cơ quan.

c) Trường hợp Bộ Tài nguyên và Môi trường, cơ quan tài nguyên và môi trường ở địa phương, Ủy ban nhân dân các cấp được cung cấp dữ liệu đất đai để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai.

4. Mức thu phí:

STT	Loại tài liệu	Đơn vị tính	Thông tin dạng giấy	Thông tin dạng số
I	Cung cấp trực tiếp			
1	Hồ sơ tài liệu	Đồng/01 trang	39.000	32.000
2	Các loại bản đồ	Đồng/01 mảnh	95.000	78.000
3	Hồ sơ khác	Đồng/10 thửa	46.000	
II	Cung cấp qua đường bưu điện, trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử và các hình thức khác			
1	Hồ sơ tài liệu	Đồng/01 trang	41.000	30.000

2	Các loại bản đồ	Đồng/01 mảnh	100.000	75.000
3	Hồ sơ khác	Đồng/10 thửa	48.000	

- Mức tính phí khai thác hồ sơ tài liệu trên được tính cho 01 trang, mỗi trang tăng thêm được tính bằng 0,11 lần mức phí của trang đầu tiên.

- Mức tính phí khai thác các loại bản đồ tính cho 01 mảnh, mỗi mảnh tăng thêm được tính bằng 0,11 lần mức phí của mảnh đầu tiên.

- Mức tính phí khai thác các loại hồ sơ khác tính cho từ 01 đến 10 thửa, từ thửa thứ 11 trở đi thì mỗi thửa được cộng thêm 4.600 đồng.

- Mức thu trên tối đa không vượt quá 300.000 đồng/hồ sơ, tài liệu.

5. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thu được:

a) Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai thu bằng tiền Việt Nam. Người nộp phí thực hiện nộp phí khi nộp hồ sơ yêu cầu cung cấp tài liệu đất đai tại cơ quan có thẩm quyền.

b) Tổ chức thu phí được để lại 70% trên tổng số phí thu được để trang trải cho việc thực hiện công việc, dịch vụ thu phí. Phần còn lại 30% nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

c) Kê khai, nộp phí:

- Chậm nhất là ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước.

- Tổ chức thu phí thực hiện kê khai phí theo tháng và quyết toán phí theo năm theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí được thực hiện theo hướng dẫn tại Luật Phí và lệ phí và các văn bản pháp luật có liên quan.

6. Hàng năm, căn cứ vào số thu, các chi phí phát sinh năm trước liền kề và ước thực hiện năm kế hoạch, tổ chức thu lập dự toán chi cho công tác thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai tổng hợp vào dự toán của đơn vị, gửi cơ quan tài chính thẩm định, trình cấp thẩm quyền phê duyệt phân bổ theo chế độ, định mức quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X, kỳ họp bất thường thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 12 tháng 4 năm 2018 và thay thế nội dung tại số thứ tự 8 Mục A Phụ lục Danh mục mức thu tối đa các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 70/2014/NQ-HĐND ngày 08/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ban công tác Đại biểu Quốc hội;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Bình Thuận;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website Chính phủ;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu VT, (TH.09) T.Duy.

160



CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Hùng